

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Hân

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Y, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh V, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Y trình bày:

Chị kết hôn anh V vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn 1, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống và do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về tình cảm nên thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi nhau. Chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 1, xã , xã Đ, huyện Đ, thành phố Hải Phòng sống từ tháng 11 năm 2020 và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị Y khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên H sinh ngày 05 tháng 12 năm 2012 và A sinh ngày 03 tháng 7 năm 2019. Hiện nay chị Y đang trực tiếp nuôi con chung tên A sinh ngày 03 tháng 7 năm 2019, còn anh V đang trực tiếp nuôi con chung tên H sinh ngày 05 tháng 12 năm 2012. Khi ly hôn chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung tên A sinh ngày 03 tháng 7 năm 2019 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, còn giao con chung tên H sinh ngày 05 tháng 12 năm 2012 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay ai và không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai có trong hồ sơ vụ án anh V trình bày:

Anh kết hôn với chị Y vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hoà hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã xung đột nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh V có tìm gọi nhiều lần nhưng chị Y không về nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn, anh V xin đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên H sinh ngày 05 tháng 12 năm 2012 và A sinh ngày 03 tháng 7 năm 2019. Khi ly hôn anh V yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn là chị Y trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn là anh V không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Y. Về hôn nhân: Cho chị Y được ly hôn anh V. Về con chung: Giao con chung tên A sinh ngày 03 tháng 7 năm 2019 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật, giao con chung tên H sinh ngày 05 tháng 12 năm 2012 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét giải quyết. Về tài sản chung không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 01 năm 2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chị Y và anh V chung sống hoà thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Y trình bày do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống và do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về tình cảm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi nhau. Nay chị Y khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Bị đơn là anh V thừa nhận trong quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hoà hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng xúc phạm nhau, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị Y đã được gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện, nay chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn anh V, anh V xin đoàn tụ. Tài liệu xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Y và anh V kết hôn với nhau vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chị Y và anh V chung sống hoà thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống và do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về mặt tình cảm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Vợ chồng chị Y và anh V đã sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Như vậy thể hiện hôn nhân giữa chị Y và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc anh V xin đoàn tụ không đồng ý ly hôn chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho chị Y. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y về việc xin ly hôn anh V, cho chị Y được ly hôn anh V.

[3] Về con chung: Chị Y và anh V có 02 con chung tên H sinh ngày 05 tháng 12 năm 2012 và A sinh ngày 03 tháng 7 năm 2019. Khi ly hôn chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung tên A sinh ngày 03 tháng 7 năm 2019 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, còn giao con chung tên H sinh ngày 05 tháng 12 năm 2012 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả 02 con chung tên H sinh ngày 05 tháng 12 năm 2012 và A sinh ngày 03 tháng 7 năm 2019 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Hiện nay chị Y đang trực tiếp nuôi con chung tên A sinh ngày 03 tháng 7 năm 2019, còn anh V đang trực tiếp nuôi con chung tên H sinh ngày 05 tháng 12 năm 2012. Xét việc nuôi con của chị Y và anh V đã ổn định, mặt khác con chung tên A còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, con chung tên H có nguyện vọng được ở với bố là anh V. Vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y, giao con chung tên A sinh ngày 03 tháng 7 năm 2019 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật, giao con chung tên H sinh ngày 05 tháng 12 năm 2012 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

[4] Về tài sản chung: Chị Y và anh V thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Cho chị Y được ly hôn anh V.

2. Về con chung: Giao con chung tên A sinh ngày 03 tháng 7 năm 2019 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Giao con chung tên H, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2012 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

3. Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007998 ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Y đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Đ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

